

# HEMATOLOGY REAGENT FOR CD 1800,1700,1600,1400,1300 ANALYZERS

## 【INTENDED USE】

To be used for blood cell counting, sizing, and WBC differentiation, hemoglobin determination on ABBOTT CD 1800,1700,1600,1400,1300 hematology analyzers. This product is for In Vitro Diagnostic Use only.

## 【SPECIFICATION】

30-10-020	Diluent CD3	20L
33-20-020	Detergent CD3	20L
33-30-004	Lyse CD3	3.8L
33-40-E001	EZ-Cleaner	50ml×2

## 【KIT COMPOSITION】

DILUENT CD3	NaCl≤9.4%, Buffer≤1.6%, Anti-Microbial Agent≤1.0%
DETERGENT CD3	Sodium Sulfate<1.5%, Anti-microbial Agent<0.1%
LYSE CD3	Quaternary Ammonium Salt<10%, Sodium Lauryl Sulfate<1.5%
EZ-CLEANER	Subtilisin<5.0%

## 【APPLICABLE INSTRUMENT】

For use with CD1800,1700,1600,1400,1300 hematology analyzers.

## 【PREPARATION】

Reagent is ready to use.

## 【PROCEDURES】

- Using the function keys press the following menus:  
MAIN-SPECIAL                      PROTOCOLS-REAGENT  
RESERVOIRE-EMPTY DILUENT
- Remove the reagent inlet tube from the Diluent.
- Wipe the tube's surface with a lint free tissue, and then rinse with distilled water.
- Put the reagent tubes into the boxes and/or bottles of Labnovation reagents.
- Using the function keys press the following menu:  
FILL DILUENT  
This step will fill the reagent system with Labnovation reagent.
- Repeat steps 1-5 with Lyse and Sheath.
- Run at least 5 backgrounds. Check for the acceptable values.
- Run all three levels of a dedicated commercial control. Check for the acceptable values.
- Recalibrate the unit if necessary.  
(MAIN-CALIBRATION-ENTER-FACTOR)

## 【PRECAUTIONS】

- Re-calibration is recommended when changing the origin of the reagents.
- It is not recommended using different brands of solutions together on one unit of analyzer.
- Do not ingest. Avoid contact with skin and eyes.
- Skin contact: Flush with plenty of water.
- Eyes contact: Flush with plenty of water. Obtain immediate medical attention.
- This kit is for professionals and in vitro diagnostic use only.
- Never put distilled water on the analyser (except clean for shipping menu), otherwise the pneumatic unit can be damaged seriously.

## 【STORAGE】



30-10-020	Diluent CD3	24 months
33-20-020	Detergent CD3	24 months
33-30-004	Lyse CD3	24 months
33-40-E001	EZ-Cleaner	12months

Store the product at 5-35 °C in a dust free place with good

ventilation. Temperature outside the range may damage the product.


The open vial life of the product is 60 days. Unused reagents should be discarded after 60 days. Do not mix residual with a new carton.

## 【GLOSSARY OF SYMBOLS】

 In Vitro Diagnostics ;  Lot Number ;

 Temperature Limit ;  Reference Number ;

 Avoid Sunlight ;  Expiry Date ;

 Take Operation Manual for reference ;



**Wellkang Ltd**  
Suite B,29Harley Street  
LONDON,W1G 9QR,U.K.  
[www.CE-Marking.EU](http://www.CE-Marking.EU)



# HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM ABBOTT CD 1800, 1700, 1600, 1400, 1300

## 1.0 MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Để sử dụng cho việc tính toán, kích cỡ và phân biệt tế bào máu, xác định hemoglobin trên máy xét nghiệm huyết học ABBOTT CD 1800, 1700, 1600, 1400, 1300. Sản phẩm này chỉ dùng cho Chẩn đoán InVitro.

## 2.0 ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT

30-10-020	DILUENT CD3	20L
33-20-020	DETERGENT CD3	20L
33-30-004	LYSE CD3	3.8L
33-40-E001	EZ-CLEANER	50ml x 2

## 3.0 THÀNH PHẦN BỘ HÓA CHẤT

DILUENT CD3	NaCl≤9.4%, Buffer≤1.6%, Anti-Microbial Agent≤1.0%
DETERGENT CD3	Sodium Sulfate<1.5%, Anti-microbial Agent<0.1%
LYSE CD3	Quaternary Ammonium Salt<10%, Sodium Lauryl Sulfate<1.5%
EZ-CLEANER	Subtilisin<5.0%

## 4.0 SỬ DỤNG CHO THIẾT BỊ

Chỉ sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học ABBOTT CD 1800, 1700, 1600, 1400, 1300.

## 5.0 CHUẨN BỊ

Hóa chất sẵn sàng sử dụng cho xét nghiệm.

## 6.0 CÁC BƯỚC THỰC HIỆN

- Sử dụng các phím chức năng nhấn các menu sau:  
MAIN - SPECIAL  
PROTOCOLS - REAGENT  
RESERVOIRE - EMTYDILUENT.
- Tháo tất cả các ống hút hóa chất ra khỏi hộp hóa chất xét nghiệm Diluent.
- Lau bề mặt của ống bằng khăn không xơ vải, rồi rửa bằng nước cất.
- Đặt các ống dẫn hóa chất vào các thùng hoặc các chai hóa chất của Labnovation.
- Sử dụng các phím chức năng nhấn vào menu sau: FILL DILUENT  
Bước này sẽ làm đầy hệ thống chất thử bằng hóa chất Labnovation.
- Lặp lại từ bước 1 đến bước 5 với hóa chất Lyse và Sheath.
- Chạy ít nhất 5 lần thử trắng. Kiểm tra các giá trị chấp nhận được.
- Chạy tất cả ba cấp độ của một kiểm soát thương mại chuyên dụng. Kiểm tra các giá trị chấp nhận được.
- Hiệu chỉnh lại máy nếu cần. (MAIN – CALIBRATION – ENTER - FACTOR)

## 7.0 THẬN TRỌNG








- Cần hiệu chỉnh lại khi thay đổi nguồn gốc của hóa chất.
- Không nên sử dụng kết hợp các hóa chất xét nghiệm có nhiều thương hiệu khác nhau trên cùng một máy xét nghiệm huyết học.
- Không nuốt. Tránh tiếp xúc với da và mắt.
- Tiếp xúc với da: Rửa với nhiều nước.
- Tiếp xúc với mắt: Rửa với nhiều nước. Cần được sự chăm sóc y tế ngay lập tức.
- Bộ hóa chất xét nghiệm chỉ dùng cho mục đích chẩn đoán in vitro.
- Không bao giờ đặt nước cất vào máy phân tích (ngoại trừ sạch để vận chuyển), nếu không bộ phận khí nén có thể bị hư hỏng nghiêm trọng.

## 8.0 BẢO QUẢN

30-10-020	DILUENT CD3	24 tháng
33-20-020	DETERGENT CD3	24 tháng
33-30-004	LYSE CD3	24 tháng
33-40-E001	EZ-CLEANER	18 tháng

Bảo quản hóa chất ở nhiệt độ 5°C đến 35°C nơi không có bụi và thoáng. Nhiệt độ bảo quản bị vượt ra ngoài phạm vi yêu cầu có thể làm cho hóa chất bị hỏng. Thời gian sử dụng cho hóa chất đã mở nắp hộp là 60 ngày. Hóa chất không sử dụng hết sau 60 ngày nên được loại bỏ. Không trộn lẫn hóa chất cũ với hóa chất mới trong hộp.

## 9.0 BẢNG CHÚ GIẢI CÁC BIỂU TƯỢNG

	Dùng cho mục đích chẩn đoán in vitro
	Số lô sản xuất
	Nhiệt độ bảo quản
	Số tham chiếu
	Tránh ánh nắng mặt trời
	Hạn sử dụng
	Lấy sách hướng dẫn sử dụng để tham khảo

# HEMATOLOGY REAGENT FOR NIHON KHODEN 3 PART DIFF ANALYZERS

## 【INTENDED USE】

To be used for blood cell counting, sizing, and WBC differentiation, hemoglobin determination on Nihon Khoden 3 part diff hematology analyzers. This product is for In Vitro Diagnostic Use only.

## 【SPECIFICATION】

41-10-020	Diluent NK	20L
41-30-A05	Lyse NK	500ml×3
41-40-005R	Rinse NK	5L
L-0401005	Cleaner-C	500ml

## 【KIT COMPOSITION】

DILUENT NK	NaCl≤9.4%, Buffer≤1.6%, Anti-Microbial Agent≤1.0%
CLEANER-C	Sodium Hypochlorite 5%
LYSE NK	Quaternary Ammonium Salt<10%, Sodium Lauryl Sulfate<1.5%
RINSE NK	Buffer<0.9%, Sufurctant<1.0%

## 【APPLICABLE INSTUMENT】

For use with Nihon Kohden MEK-6318, MEK-6400, MEK-6700, MEK-6410, MEK-6420 hematology analyzers.

## 【PREPARATION】

Reagent is ready to use.

## 【PROCEDURES】

1. Remove all the reagent aspiration tubes from the currently used reagent boxes.
2. Wipe the tube's surface with a lint free tissue, and then rinse with distilled water. Put the tubes into Labnovation reagents boxes or bottles.
3. Run at least 50 backgrounds. Check for the acceptable background values. At first background counts can be seen, that should lower to normal after a few runs.
4. Run all three levels of a dedicated commercial control. Check for the acceptable values.
5. Recalibrate the unit if necessary.

## 【PRECAUTIONS】

1. Re-calibration is recommended when changing the origin of the reagents.
2. It is not recommended using different brands of solutions together on one unit of analyzer.
3. Do not ingest. Avoid contact with skin and eyes.
4. Skin contact: Flush with plenty of water.
5. Eyes contact: Flush with plenty of water. Obtain immediate medical attention.
6. This kit is for professionals and in vitro diagnostic use only.



## 【STORAGE】

41-10-020	Diluent NK	24 months
41-30-A05	Lyse NK	18 months
41-40-005R	Rinse NK	24 months
L-0401005	Cleaner-C	18months

Store the product at 5-35 °C in a dust free place with good ventilation. Temperature outside the range may damage the product.


The open vial life of the product is 60 days. Unused reagents should be discarded after 60 days. Do not mix residual with a new carton.

## 【GLOSSARY OF SYMBOLS】

 In Vitro Diagnostics ;  Lot Number ;

 Temperature Limit ;  Reference Number ;

 Avoid Sunlight ;  Expiry Date ;

 Take Operation Manual for reference ;



**Wellkang Ltd**  
Suite B, 29 Harley Street  
LONDON, W1G 9QR, U.K.  
www.CE-Marking.EU



# HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM NIHON KHODEN 3 THÀNH PHẦN

## 1.0 MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Sử dụng để phân tích số lượng tế bào máu, kích cỡ và WBC, xác định hàm lượng hemoglobin trên các xét nghiệm huyết học của Nihon Khoden 3 thành phần. Sản phẩm này chỉ dùng cho Chẩn đoán InVitro.

## 2.0 ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT

41-10-020	DILUENT NK	20L
41-30-A05	LYSE NK	500mL x 3
41-40-005R	RINSE NK	5L
L-0401005	CLEANER-C	500mL

## 3.0 THÀNH PHẦN BỘ HÓA CHẤT

DILUENT NK	NaCl≤9.4%, Buffer≤1.6%, Anti-MicrobialAgent≤1.0%
LYSE NK	QuaternaryAmmonium Salt<10%, Sodium Lauryl Sulfate<1.5%
RINSE NK	Buffer<0.9%, Sufurctant<1.0%
CLEANER-C	Sodium Hypochlorite 5%

## 4.0 SỬ DỤNG CHO THIẾT BỊ

Sử dụng với các máy xét nghiệm huyết học MEK-6318, MEK-6400, MEK-6700, MEK-6410, MEK-6420 của Nihon Kohden.

## 5.0 CHUẨN BỊ

Hóa chất sẵn sàng sử dụng cho xét nghiệm.

## 6.0 CÁC BƯỚC THỰC HIỆN

1. Tháo tất cả các ống hút hóa chất ra khỏi hộp thuốc thử đang sử dụng.
2. Lau bề mặt của ống bằng khăn không xơ vải, rồi rửa bằng nước cất. Đặt các ống hút hóa chất vào các thùng hoặc các chai hóa chất của Labnovation.
3. Chạy ít nhất 50 lần thử trắng. Kiểm tra các giá trị chấp nhận được. Ở lần đếm thử trắng đầu tiên có thể thấy rằng sẽ bị thấp hơn bình thường sau một vài lần chạy sau đó.
4. Chạy tất cả ba cấp độ của một kiểm soát thương mại chuyên dụng. Kiểm tra các giá trị chấp nhận được.
5. Hiệu chỉnh lại máy nếu cần.

## 1.0 THẬN TRỌNG








1. Cần hiệu chỉnh lại khi thay đổi nguồn gốc của hóa chất.
2. Không nên sử dụng kết hợp các hóa chất xét nghiệm có nhiều thương hiệu khác nhau trên cùng một máy xét nghiệm huyết học.
3. Không nuốt. Tránh tiếp xúc với da và mắt.
4. Tiếp xúc với da: Rửa với nhiều nước.
5. Tiếp xúc với mắt: Rửa với nhiều nước. Cần được sự chăm sóc y tế ngay lập tức.
6. Bộ hóa chất xét nghiệm chỉ dùng cho mục đích chẩn đoán in vitro.

## 2.0 BẢO QUẢN

41-10-020	DILUENT NK	24 tháng
41-30-A05	LYSE NK	18 tháng
41-40-005R	RINSE NK	24 tháng
L-0401005	CLEANER-C	18 tháng

Bảo quản hóa chất ở nhiệt độ 5°C đến 35°C nơi không có bụi và thoáng. Nhiệt độ bảo quản bị vượt ra ngoài phạm vi yêu cầu có thể làm cho hóa chất bị hỏng. Thời gian sử dụng cho hóa chất đã mở nắp hộp là 60 ngày. Hóa chất không sử dụng hết sau 60 ngày nên được loại bỏ. Không trộn lẫn hóa chất cũ với hóa chất mới trong hộp.

## 3.0 BẢNG CHÚ GIẢI CÁC BIỂU TƯỢNG

	Dùng cho mục đích chẩn đoán in vitro
	Số lô sản xuất
	Nhiệt độ bảo quản
	Số tham chiếu
	Tránh ánh nắng mặt trời
	Hạn sử dụng
	Lấy sách hướng dẫn sử dụng để tham khảo



Wellkang Ltd  
Suite B, 29 Harley Street  
LONDON, W1G 9QR, U.K.  
www.CE-Marking.EU



# HEMATOLOGY REAGENT FOR NIHON KHODEN MEK-8222, MEK-7222 ANALYZERS

## 【INTENDED USE】

To be used for blood cell counting, sizing, and WBC differentiation, hemoglobin determination on Nihon Khoden MEK-8222, MEK-7222 hematology analyzers. This product is for In Vitro Diagnostic Use only..

## 【SPECIFICATION】

41-10-020	Diluent NK	20L
41-30-A05	Lyse NK	500ml×3
41-35-A05	WBC Lysis	500mlX3
41-40-005R	Rinse NK	5L
41-45-005R	Cleanac NK	5L

## 【KIT COMPOSITION】

DILUENT NK	NaCl≤9.4%, Buffer≤1.6%, Anti-Microbial Agent≤1.0%
LYSE NK	Quaternary Ammonium Salt<10%, Sodium Lauryl Sulfate<1.5%
WBC LYSIS	Quaternary Ammonium Salt<10%, Sodium Lauryl Sulfate<1.5%
RINSE NK	Buffer<0.9%, Sufurctant<1.0%
CLEANAC NK	Buffer<1.0%, Sufurctant<2.0%

## 【APPLICABLE INSTUMENT】

For use with Nihon Kohden MEK-8222, MEK-7222 hematology analyzers.

## 【PREPARATION】

Reagent is ready to use.

## 【PROCEDURES】

1. Remove all the reagent aspiration tubes from the currently used reagent boxes.
2. Wipe the tube's surface with a lint free tissue, and then rinse with distilled water. Put the tubes into Labnovation reagents boxes or bottles.
3. Run at least 50 backgrounds. Check for the acceptable background values. At first background counts can be seen, that should lower to normal after a few runs.
4. Run all three levels of a dedicated commercial control. Check for the acceptable values.
5. Recalibrate the unit if necessary.

## 【PRECAUTIONS】

1. Re-calibration is recommended when changing the origin of the reagents.
2. It is not recommended using different brands of solutions together on one unit of analyzer.
3. Do not ingest. Avoid contact with skin and eyes.
4. Skin contact: Flush with plenty of water.
5. Eyes contact: Flush with plenty of water. Obtain immediate medical attention.
6. This kit is for professionals and in vitro diagnostic use only.



## 【STORAGE】

41-10-020	Diluent NK	24 months
41-30-A05	Lyse NK	18 months
41-35-A05	WBC Lysis	24 months
41-40-005R	Rinse NK	24 months
41-45-005R	Cleanac NK	18months

Store the product at 5-35°C in a dust free place with good ventilation. Temperature outside the range may damage the product.


The open vial life of the product is 60 days. Unused reagents should be discarded after 60 days. Do not mix residual with a new carton.

## 【GLOSSARY OF SYMBOLS】

 In Vitro Diagnostics ;  Lot Number ;

 Temperature Limit ;  Reference Number ;

 Avoid Sunlight ;  Expiry Date ;

 Take Operation Manual for reference ;



**Wellkang Ltd**  
Suite B, 29 Harley Street  
LONDON, W1G 9QR, U.K.  
[www.CE-Marking.EU](http://www.CE-Marking.EU)





# HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM NIHON KHODEN MEK-8222, MEK-7222

## 1.0 MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Sử dụng để phân tích, kiểm định kích thước, và chiết tách WBC, xác định hàm lượng hemoglobin trên máy xét nghiệm huyết học MEK-8222, MEK-7222 của Nihon Kohden. Sản phẩm này chỉ dùng cho Chẩn đoán InVitro.

## 2.0 ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT

41-10-020	DILUENT NK	20L
41-30-A05	LYSE NK	500mL x 3
41-35-A05	WBC LYSIS	500mL x 3
41-40-005R	RINSE NK	5L
41-45-005R	CLEANAC NK	5L

## 3.0 THÀNH PHẦN BỘ HÓA CHẤT

DILUENT NK	NaCl≤9.4%, Buffer≤1.6%, Anti-MicrobialAgent≤1.0%
LYSE NK	QuaternaryAmmonium Salt<10%, Sodium Lauryl Sulfate<1.5%
WBC LYSIS	Quaternary Ammonium Salt<10%, Sodium Lauryl Sulfate<1.5%
RINSE NK	Buffer<0.9%, Sufurctant<1.0%
CLEANAC NK	Buffer<1.0%, Sufurctant<2.0%

## 4.0 SỬ DỤNG CHO THIẾT BỊ

Sử dụng với các máy xét nghiệm huyết học MEK-8222, MEK-7222 của Nihon Kohden.

## 5.0 CHUẨN BỊ

Hóa chất sẵn sàng sử dụng cho xét nghiệm.

## 6.0 CÁC BƯỚC THỰC HIỆN

1. Tháo tất cả các ống hút hóa chất ra khỏi hộp thuốc thử đang sử dụng.
2. Lau bề mặt của ống bằng khăn không xơ vải, rồi rửa bằng nước cất. Đặt các ống hút hóa chất vào các thùng hoặc các chai hóa chất của Labnovation.
3. Chạy ít nhất 50 lần thử trắng. Kiểm tra các giá trị chấp nhận được. Ở lần đếm thử trắng đầu tiên có thể thấy rằng sẽ bị thấp hơn bình thường sau một vài lần chạy sau đó.
4. Chạy tất cả ba cấp độ của một kiểm soát thương mại chuyên dụng. Kiểm tra các giá trị chấp nhận được.
5. Hiệu chỉnh lại máy nếu cần.

## 7.0 THẬN TRỌNG

1. Cần hiệu chỉnh lại khi thay đổi nguồn gốc của hóa chất.
2. Không nên sử dụng kết hợp các hóa chất xét nghiệm có nhiều thương hiệu khác nhau trên cùng một máy xét nghiệm huyết học.
3. Không nuốt. Tránh tiếp xúc với da và mắt.
4. Tiếp xúc với da: Rửa với nhiều nước.
5. Tiếp xúc với mắt: Rửa với nhiều nước. Cần được sự chăm sóc y tế ngay lập tức.
6. Bộ hóa chất xét nghiệm chỉ dùng cho mục đích chẩn đoán in vitro.








## 8.0 BẢO QUẢN

41-10-020	DILUENT NK	24 tháng
41-30-A05	LYSE NK	18 tháng
41-35-A05	WBC LYSIS	24 tháng
41-40-005R	RINSE NK	24 tháng
41-45-005R	CLEANAC NK	18 tháng

Bảo quản hóa chất ở nhiệt độ 5°C đến 35°C nơi không có bụi và thoáng.

Nhiệt độ bảo quản bị vượt ra ngoài phạm vi yêu cầu có thể làm cho hóa chất bị hỏng. Thời gian sử dụng cho hóa chất đã mở nắp hộp là 60 ngày. Hóa chất không sử dụng hết sau 60 ngày nên được loại bỏ. Không trộn lẫn hóa chất cũ với hóa chất mới trong hộp.

## 9.0 BẢNG CHÚ GIẢI CÁC BIỂU TƯỢNG

	Dùng cho mục đích chẩn đoán in vitro
	Số lô sản xuất
	Nhiệt độ bảo quản
	Số tham chiếu
	Tránh ánh nắng mặt trời
	Hạn sử dụng
	Lấy sách hướng dẫn sử dụng để tham khảo



# HEMATOLOGY REAGENT FOR SYSMEX 3 PART DIFF ANALYZERS

## 【INTENDED USE】

To be used for blood cell counting, sizing, and WBC differentiation, hemoglobin determination on SYSMEX KX-21 hematology analyzers. This product is for In Vitro Diagnostic Use only.

## 【SPECIFICATION】

20-10-020	Diluent-ST	20L
21-30-SWH	Lyser-WH	500ml×3
21-CL-50	Cell-Cleaner	50ml

## 【KIT COMPOSITION】

DILUENT-ST	NaCl≤9.4%, Buffer≤1.6%, Anti-Microbial Agent≤1.0%
LYSER-WH	Quaternary Ammonium Salt<10%, Sodium Lauryl Sulfate<1.5%
CELL-CLEANER	Sodium Hypochlorite 5%

## 【APPLICABLE INSTRUMENT】

For use with Sysmex KX-21, KX-21N, POCH-100i, XP-300, XP-100 hematology analyzers.

## 【PREPARATION】

Reagent is ready to use.

## 【PROCEDURES】

1. Remove the diluents tubing from the currently used Cellpack.
2. Wipe the tube's surface with a lint free tissue, and then rinse with distilled water.
3. Press the "Start" switch which is behind the aspiration probe.
4. The following message will appear: "Replenish Diluent".
5. Put the reagent aspiration tubes into the appropriate Labnovation box.
6. Press the "Help" key on the keypad followed by "1"-Reaspiring Diluent.
7. Remove the Stromatolyser WH tubing from the currently used Stromatolyser WH reagent box.
8. Wipe the tube's surface with a lint free tissue and then rinse with distilled water.
9. Put the Lyse tube into the appropriate Labnovation box.
10. Press the "Select" key on the keypad followed by "4" – Replace Lyse to prime the lyse reagent system.
11. Repeat this step (step no. 10) 4 times.
12. Run at least 5 backgrounds by pressing the "Start" switch. Check for the acceptable values.
13. Run all three levels of a dedicated commercial control. Check for the acceptable values.
14. Recalibrate the unit if necessary.

## 【PRECAUTIONS】

1. Re-calibration is recommended when changing the origin of the reagents.
2. It is not recommended using different brands of solutions together on one unit of analyzer.
3. Do not ingest. Avoid contact with skin and eyes.
4. Skin contact: Flush with plenty of water.
5. Eyes contact: Flush with plenty of water. Obtain immediate medical attention.
6. This kit is for professionals and in vitro diagnostic use only.



## 【STORAGE】

20-10-020	Diluent-ST	24 months
21-30-SWH	Lyser-WH	18months
21-CL-50	Cell-Cleaner	12months

Store the product at 5-35°C in a dust free place with good ventilation. Temperature outside the range may damage the product.


The open vial life of the product is 60 days. Unused reagents should be discarded after 60 days. Do not mix residual with a new carton.

## 【GLOSSARY OF SYMBOLS】

 In Vitro Diagnostics ;  Lot Number ;

 Temperature Limit ;  Reference Number ;

 Avoid Sunlight ;  Expiry Date ;

 Take Operation Manual for reference ;



**Wellkang Ltd**  
Suite B, 29 Harley Street  
LONDON, W1G 9QR, U.K.  
www.CE-Marking.EU



# HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SYSMEX 3 THÀNH PHẦN

## 1.0 MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Sử dụng để phân tích, kiểm định kích thước, và chiết tách WBC, xác định hàm lượng hemoglobin trên máy xét nghiệm huyết học KX-21 của SYSMEX. Sản phẩm này chỉ dùng cho Chẩn đoán InVitro.

## 2.0 ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT

20-10-020	DILUENT-ST	20L
21-30-SWH	LYSER-WH	500mL x 3
21-CL-50	CELL-CLEANER	50mL

## 3.0 THÀNH PHẦN BỘ HÓA CHẤT

DILUENT-ST	NaCl≤9.4%, Buffers≤1.6%, Anti-Microbial Agent≤1.0%
LYSER-WH	Quaternary Ammonium Salt<10%, Sodium Lauryl Sulfate<1.5%
CELL-CLEANER	Sodium Hypochlorite 5%

## 4.0 SỬ DỤNG CHO THIẾT BỊ

Sử dụng với các máy xét nghiệm huyết học KX-21, KX-21N, POCH-100i, XP-300, XP-100 của SYSMEX.

## 5.0 CHUẨN BỊ

Hóa chất sẵn sàng sử dụng cho xét nghiệm.

## 6.0 CÁC BƯỚC THỰC HIỆN

1. Tháo tất cả các ống hút hóa chất ra khỏi hộp bộ hóa chất đang sử dụng.
2. Lau bề mặt của ống bằng khăn không xơ vải, rồi rửa bằng nước cất.

3. Nhấn nút "Start" nằm phía sau ống hút.
4. Thông báo sau sẽ xuất hiện: "Replenish Diluent".
5. Đặt ống hút hóa chất vào hộp hóa chất Labnovation cho phù hợp.
6. Nhấn phím "Help" trên bàn phím và phím tiếp theo là "1" - Reaspiring Diluent.
7. Tháo ống Stromatolyser WH ra khỏi hộp thuốc thử Stromatolyser WH hiện đang sử dụng.
8. Lau bề mặt của ống bằng khăn không xơ vải, rồi rửa bằng nước cất.
9. Đặt ống Lyse vào hộp Labnovation cho phù hợp.
10. Nhấn phím "Select" trên bàn phím và theo sau là "4" – Thay thế Lyse để làm chủ hệ thống hóa chất lyse.
11. Lặp lại bước này (bước số 10) 4 lần.
12. Chạy ít nhất 5 lần thử trắng bằng cách nhấn nút "Start". Kiểm tra các giá trị chấp nhận được.
13. Chạy tất cả ba cấp độ của một kiểm soát thương mại chuyên dụng. Kiểm tra các giá trị chấp nhận được.
14. Hiệu chỉnh lại máy nếu cần.

## 7.0 THẬN TRỌNG

1. Cần hiệu chỉnh lại khi thay đổi nguồn gốc của hóa chất.
2. Không nên sử dụng kết hợp các hóa chất xét nghiệm có nhiều thương hiệu khác nhau trên cùng một máy xét nghiệm huyết học.
3. Không nuốt. Tránh tiếp xúc với da và mắt.
4. Tiếp xúc với da: Rửa với nhiều nước.
5. Tiếp xúc với mắt: Rửa với nhiều nước. Cần được sự chăm sóc y tế ngay lập tức.
6. Bộ hóa chất xét nghiệm chỉ dùng cho mục đích chẩn đoán in vitro.








## 8.0 BẢO QUẢN

20-10-020	DILUENT-ST	24 tháng
21-30-SWH	LYSER-WH	18 tháng
21-CL-50	CELL-CLEANER	12 tháng

Bảo quản hóa chất ở nhiệt độ 5°C đến 35°C nơi không có bụi và thoáng.

Nhiệt độ bảo quản bị vượt ra ngoài phạm vi yêu cầu có thể làm cho hóa chất bị hỏng. Thời gian sử dụng cho hóa chất đã mở nắp hộp là 60 ngày. Hóa chất không sử dụng hết sau 60 ngày nên được loại bỏ. Không trộn lẫn hóa chất cũ với hóa chất mới trong hộp.

## 9.0 BẢNG CHÚ GIẢI CÁC BIỂU TƯỢNG

	Dùng cho mục đích chẩn đoán in vitro
	Số lô sản xuất
	Nhiệt độ bảo quản
	Số tham chiếu
	Tránh ánh nắng mặt trời
	Hạn sử dụng
	Lấy sách hướng dẫn sử dụng để tham khảo

